

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-THÁI NGUYÊN**
Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2025
V/v tranh chấp: “*Xin ly hôn*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ma Thị Bằng;

2. Ông Ma Đức Tuệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H** sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (nay là tổ dân phố P, xã L, tỉnh Hà Tĩnh); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Bị đơn: Anh **Nông Văn K** sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên); vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị Trần Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Nông Văn K trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã L, tỉnh Hà Tĩnh) vào ngày 15/11/2013; Sau khi kết hôn vợ chồng tôi đi làm Công ty và sinh sống chủ yếu tại tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng mấy năm đầu hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên vợ chồng tôi đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, không còn quan tâm đến nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Nông Văn K.

- Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Nông Văn K:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng anh K không có ý kiến bằng văn bản nêu quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H. Tòa án cũng đã gửi giấy triệu tập, yêu cầu anh K đến Tòa án làm việc, tuy nhiên anh K không có mặt tại Tòa án để làm việc. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh K nhưng do anh K vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh K và không hòa giải vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H. Chị Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên) tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ án xin ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên).

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn đề nghị không mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng

quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nông Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã L, tỉnh Hà Tĩnh) vào ngày 15/11/2013. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân của chị H và anh K là hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, từ năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, không còn quan tâm đến nhau nữa, hiện nay anh K đi đâu làm gì chị H cũng không quan tâm và cũng không còn tình cảm, lòng tin, tình yêu với anh K nữa.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh K để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm nhưng anh K vẫn vắng mặt không lý do, điều đó cho thấy anh K không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua xác minh tại gia đình và địa phương về tình trạng hôn nhân, cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh K cho thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh K và chị H thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, nên không còn quan tâm đến nhau nữa, chị H đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ sinh sống từ năm 2017 và vợ chồng đã sống ly thân, không còn liên lạc và bỏ mặc nhau trong cuộc sống, anh K cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Nông Văn K. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nông Văn K.
2. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0003397 ngày 08/5/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (nay là Phòng THADS khu vực 7 - Thái Nguyên). Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H và anh Nông Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Tư

